

THÔNG BÁO
Tuyển sinh người học quốc tế học trình độ thạc sĩ năm 2026

Đại học Công nghiệp Hà Nội thông báo tuyển sinh người học quốc tế học trình độ thạc sĩ năm 2026, cụ thể như sau:

I. Ngành đào tạo và chỉ tiêu tuyển sinh

Stt	Ngành đào tạo	Mã ngành	Chỉ tiêu
1	Kỹ thuật cơ khí	8520103	23
2	Kỹ thuật cơ khí động lực	8520116	22
3	Kỹ thuật cơ điện tử	8520114	20
4	Kỹ thuật điện tử	8520203	25
5	Kỹ thuật điện	8520201	31
6	Quản trị kinh doanh	8340101	22
7	Tài chính - Ngân hàng	8340201	12
8	Hệ thống thông tin	8480104	14
9	Ngôn ngữ Anh	8220201	35
10	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	8810103	22
11	Công nghệ Dệt, may	8540204	5
12	Kỹ thuật hóa học	8520301	26
Tổng cộng:			257

II. Hình thức và thời gian đào tạo

1. Hình thức đào tạo: chính quy, vừa làm vừa học, áp dụng chương trình định hướng ứng dụng.

2. Thời gian đào tạo chuẩn:

- Đối với hình thức chính quy: 1,5 năm (18 tháng) - Học trong tuần và thứ Bảy.
- Đối với hình thức vừa làm vừa học: 2,0 năm (24 tháng) - Học cuối tuần.

III. Phương thức, điều kiện tuyển sinh

1. Phương thức tuyển sinh, hình thức và thời gian đăng ký xét tuyển:

- Phương thức tuyển sinh: Xét tuyển theo điểm trung bình chung tích lũy toàn khóa học trình độ đại học;

- Hình thức và thời gian đăng ký xét tuyển:

STT	Nội dung	Thời gian thực hiện
1	Phát hành hồ sơ tại địa chỉ: https://cps.hau.edu.vn/vn/cac-bieu-mau	Từ 01/9/2026
2	Nộp hồ sơ: - Thí sinh gửi bản PDF của toàn bộ hồ sơ đăng ký xét tuyển tới địa chỉ email: dea_tuyensinh@hau.edu.vn . - Định dạng tiêu đề email: [Ứng tuyển Thạc sĩ 2026] Họ và tên - Quốc tịch - Số hộ chiếu - Tên ngành ứng tuyển.	Từ 01/9/2026 đến 01/10/2026
3	Học bổ sung kiến thức (nếu có)	Từ 05/09/2026 đến 15/10/2026
4	Tổ chức xét tuyển	Từ 16/10/2026 đến 20/10/2026
5	Công bố kết quả xét tuyển - Thông báo kết quả trúng tuyển qua email; - Đại học Công nghiệp Hà Nội hỗ trợ làm thủ tục Visa cho thí sinh trúng tuyển.	Ngày 23/10/2026
6	Khai giảng khóa học (dự kiến)	Tháng 11/2026

- Lệ phí xét tuyển: 500.000 đồng/01 thí sinh.

2. Đối tượng và điều kiện dự tuyển

Người học quốc tế dự tuyển vào học trình độ thạc sĩ phải đáp ứng các điều kiện sau:

2.1 Điều kiện về năng lực chuyên môn:

Đã tốt nghiệp hoặc đã đủ điều kiện công nhận tốt nghiệp trình độ đại học (hoặc trình độ tương đương) trở lên phù hợp với ngành dự tuyển trình độ thạc sĩ; Người dự tuyển có văn bằng tốt nghiệp trình độ đại học (hoặc trình độ tương đương) trở lên do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp phải cung cấp chứng nhận kiểm định chương trình đào tạo hoặc văn bản công nhận văn bằng của cơ quan có thẩm quyền của nước sở tại hoặc công nhận về văn bằng tốt nghiệp của Cục Quản lý chất lượng - Bộ Giáo dục và Đào tạo. Danh mục ngành phù hợp chi tiết tại phụ lục I.

2.2. Điều kiện về năng lực ngôn ngữ:

- Có chứng chỉ tiếng Việt tối thiểu từ bậc 4 trở lên theo Khung năng lực tiếng Việt dùng cho người nước ngoài hoặc đã tốt nghiệp đại học (hoặc trình độ tương đương trở lên) mà chương trình đào tạo được giảng dạy bằng tiếng Việt.

- Thí sinh chưa đủ trình độ tiếng Việt để vào học chương trình chính thức bằng tiếng Việt thì phải học dự bị tiếng Việt, sau đó tham dự thi đánh giá năng lực tiếng Việt, nếu đạt yêu cầu sẽ được vào chương trình chính khóa, nếu không đạt yêu cầu thì phải tiếp tục học bổ sung và thi đến khi đạt yêu cầu trước khi chuyển vào học chương trình chính khóa.

3. Hồ sơ tuyển sinh

Mỗi thí sinh nộp 01 bộ hồ sơ bằng Tiếng Việt hoặc Tiếng Anh có xác nhận của cơ quan chức năng có thẩm quyền, theo danh sách dưới đây

1. Phiếu đăng ký dành cho sinh viên quốc tế học tập tại Việt Nam (theo mẫu).
2. Đơn đăng ký dự tuyển (theo mẫu).
3. Bằng tốt nghiệp đại học hoặc tương đương, được hợp pháp hóa lãnh sự.
4. Bảng kết quả học tập bậc đại học hoặc tương đương, được hợp pháp hóa lãnh sự.
5. Bản sao văn bằng, chứng chỉ/chứng nhận năng lực ngoại ngữ, năng lực tiếng Việt có chứng thực.
6. Giấy chứng nhận đủ sức khỏe của cơ sở y tế có thẩm quyền, được cấp không quá 6 tháng tính đến ngày nộp hồ sơ.
7. Hộ chiếu còn thời hạn ít nhất 01 năm tính đến thời điểm dự tuyển.
8. Giấy chứng nhận không vi phạm pháp luật do cơ quan chức năng cấp còn hiệu lực.

9. 06 ảnh 4x6 cm (*ghi rõ họ tên, ngày sinh, ngành dự tuyển ở mặt sau*).

Trường hợp hồ sơ gốc của thí sinh không được viết bằng Tiếng Việt hoặc Tiếng Anh, thí sinh cần nộp file PDF bản scan hồ sơ gốc để đối chiếu.

IV. Mức học phí: 950.000 đồng/tín chỉ.

V. Chính sách học bổng và hỗ trợ học tập

Người học quốc tế hoặc đối tác quốc tế được xét cấp 30 suất học bổng và hỗ trợ học tập, cụ thể:

- Học bổng 100% học phí toàn khóa học (theo thời gian đào tạo chuẩn).
- 100% học phí học dự bị tiếng Việt (không bao gồm lệ phí thi cấp chứng chỉ tiếng Việt).
- Hỗ trợ 100% tiền ở ký túc xá loại phòng tiêu chuẩn 4 người/phòng (không bao gồm chi phí điện, nước và các dịch vụ khác).

VI. Thông tin liên hệ

- Ban Hợp tác đối ngoại, tầng 10 nhà A1, Đại học Công nghiệp Hà Nội, số 298 đường Cầu Diễn, phường Tây Tựu, thành phố Hà Nội.

- Email: dea@hau.edu.vn

Nơi nhận:

- Website, hệ thống Egov (để thông báo);
- Lưu: VT, ĐT.

**TM. HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH
CHỦ TỊCH**

**GIÁM ĐỐC
Kiều Xuân Thực**

Phụ lục I
DANH MỤC NGÀNH TỐT NGHIỆP TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC PHÙ HỢP
VỚI NGÀNH DỰ TUYỂN TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ
(Kèm theo Thông báo số: /TB-ĐHCN ngày tháng 8 năm 2026 của
Đại học Công nghiệp Hà Nội)

I. Ngành Kỹ thuật cơ khí			IV. Ngành Kế toán		
TT	Tên ngành	Mã ngành	TT	Tên ngành	Mã ngành
1	Kỹ thuật cơ khí	7520103	1	Kế toán	7340301
2	Công nghệ chế tạo máy	7510202	2	Kiểm toán	7340302
3	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	7510201	3	Quản trị kinh doanh	7340101
4	Cơ kỹ thuật	7520101	4	Marketing	7340115
5	Kỹ thuật cơ điện tử	7520114	5	Bất động sản	7340116
6	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	7510203	6	Kinh doanh quốc tế	7340120
7	Kỹ thuật hệ thống công nghiệp	7520118	7	Kinh doanh thương mại	7340121
8	Công nghệ kỹ thuật khuôn mẫu	7519003	8	Tài chính – Ngân hàng	7340201
9	Kỹ thuật cơ khí động lực	7520116	9	Bảo hiểm	7340204
10	Kỹ thuật ô tô	7520130	10	Quản trị nhân lực	7340404
11	Công nghệ kỹ thuật ô tô	7510205	11	Khoa học quản lý	7340401
12	Kỹ thuật nhiệt	7520115	12	Hệ thống thông tin quản lý	7340405
13	Bảo dưỡng công nghiệp	7510211	13	Quản trị văn phòng	7340406
14	Kỹ thuật công nghiệp	7520117	14	Phân tích dữ liệu kinh doanh	7340125
15	Kỹ thuật hàng không	7520120	V. Ngành Kỹ thuật điện tử		
16	Kỹ thuật không gian	7520121	TT	Tên ngành	Mã ngành
17	Kỹ thuật tàu thủy	7520122	1	Công nghệ Kỹ thuật điện tử - viễn thông	7510302
18	Kỹ thuật Robot	7520107	2	Kỹ thuật điện tử - viễn thông	7520207
II. Ngành Kỹ thuật cơ khí động lực			3	Công nghệ kỹ thuật máy tính	7480108
TT	Tên ngành	Mã ngành	4	Kỹ thuật máy tính	7480106
1	Kỹ thuật cơ khí động lực	7520116	5	Công nghệ Kỹ thuật điện - điện tử	7510301
2	Công nghệ kỹ thuật ô tô	7510205	6	Công nghệ Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	7510303
3	Kỹ thuật ô tô	7520130	7	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	7520216
4	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	7510203	8	Mạng máy tính và truyền thông dữ liệu	7480102
5	Kỹ thuật cơ khí	7520103	9	Kỹ thuật điện	7520201
6	Kỹ thuật cơ điện tử	7520114	10	Kỹ thuật ra đa – dân đường	7520204
7	Kỹ thuật nhiệt	7520115	11	Kỹ thuật y sinh	7520212
8	Kỹ thuật hệ thống công nghiệp	7520118	VI. Ngành Kỹ thuật hóa học		

9	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	7510201
10	Công nghệ kỹ thuật nhiệt	7510206
III. Ngành Quản trị kinh doanh		
TT	Tên ngành	Mã ngành
1	Quản trị kinh doanh	7340101
2	Marketing	7340115
3	Bất động sản	7340116
4	Kinh doanh quốc tế	7340120
5	Kinh doanh thương mại	7340121
6	Thương mại điện tử	7340122
7	Kinh doanh thời trang và dệt may	7340123
8	Tài chính - Ngân hàng	7340201
9	Bảo hiểm	7340204
10	Công nghệ tài chính	7340205
11	Kế toán	7340301
12	Kiểm toán	7340302
13	Khoa học quản lý	7340401
14	Quản lý công	7340403
15	Quản trị nhân lực	7340404
16	Hệ thống thông tin quản lý	7340405
17	Quản trị văn phòng	7340406
18	Quan hệ lao động	7340408
19	Quản lý dự án	7340409
20	Quản lý công nghiệp	7510601
21	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng	7510605
22	Kinh tế đầu tư	7310101
VIII. Ngành Kỹ thuật điện		
TT	Tên ngành	Mã ngành
1	Kỹ thuật điện	7520201
2	Công nghệ Kỹ thuật điện - điện tử	7510301
3	Kỹ thuật điện tử - viễn thông	7520207
4	Công nghệ Kỹ thuật điện tử - viễn thông	7510302
5	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	7520216
6	Công nghệ Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	7510303

TT	Tên ngành	Mã ngành
1	Kỹ thuật hóa học	7520301
2	Công nghệ kỹ thuật hóa học	7510401
3	Hoá học	7440112
4	Sư phạm hoá học	7140212
5	Hoá dược	7720203
6	Công nghệ kỹ thuật môi trường	7510406
7	Công nghệ sinh học	7420201
8	Công nghệ thực phẩm	7540101
9	Kỹ thuật vật liệu	7520309
10	Khoa học vật liệu	7440122
11	Công nghệ vật liệu	7510402
12	Kỹ thuật môi trường	7520320
13	Kỹ thuật thực phẩm	7540102
14	Công nghệ sau thu hoạch	7540104
15	Công nghệ chế biến thủy sản	7540105
VII. Ngành Công nghệ dệt, may		
TT	Tên ngành	Mã ngành
1	Công nghệ dệt, may	7540204
2	Công nghệ vật liệu dệt, may	7540203
3	Công nghệ sợi dệt	7540202
4	Kỹ thuật dệt	7520312
5	Công nghệ da giày	7540206

XI. Ngành Hệ thống thông tin		
TT	Tên ngành	Mã ngành
1	Hệ thống thông tin	7480104
2	Khoa học máy tính	7480101
3	Mạng máy tính và truyền thông dữ liệu	7480102
4	Kỹ thuật phần mềm	7480103
5	Kỹ thuật máy tính	7480106
6	Công nghệ kỹ thuật máy tính	7480108

7	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	7510203
8	Kỹ thuật cơ điện tử	7520114
9	Quản lý Năng lượng	7510602
10	Năng lượng tái tạo (thuộc ngành Kỹ thuật điện)	7519007
IX. Kỹ thuật cơ điện tử		
TT	Tên ngành	Mã ngành
1	Kỹ thuật cơ điện tử	7520114
2	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	7510203
3	Kỹ thuật cơ khí	7520103
4	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	7510201
5	Công nghệ chế tạo máy	7510202
6	Cơ kỹ thuật	7520101
7	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	7520216
8	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	7510303
9	Công nghệ Kỹ thuật điện - điện tử	7510301
10	Kỹ thuật điện	7520201
11	Robot và trí tuệ nhân tạo	7510209
12	Kỹ thuật hệ thống công nghiệp	7520118
X. Ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành		
TT	Tên ngành	Mã ngành
1	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	7810103
2	Du lịch	7810101
3	Quản trị khách sạn	7810201
4	Quản trị Nhà hàng và dịch vụ ăn uống	7810202
5	Quản trị kinh doanh	7340101
6	Marketing	7340115
7	Kinh doanh quốc tế	7340120
8	Kinh doanh thương mại	7340121
9	Thương mại điện tử	7340122
10	Khoa học quản lý	7340401
11	Quản lý công	7340403
12	Quản trị nhân lực	7340104

7	Công nghệ thông tin	7480201
8	An toàn thông tin	7480202
9	Toán ứng dụng	7460112
10	Kỹ thuật điện tử - viễn thông	7520207
11	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	7520216
12	Công nghệ kỹ thuật điện tử - viễn thông	7510302
13	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	7510303
14	Robot và trí tuệ nhân tạo	7510209
15	Sư phạm Tin học	7140210
16	Toán tin	7460117
17	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	7510203
XII. Ngành Tài chính – Ngân hàng		
TT	Tên ngành	Mã ngành
1	Tài chính - Ngân hàng	7340201
2	Bảo hiểm	7340204
3	Công nghệ tài chính	7340205
4	Kế toán	7340301
5	Kiểm toán	7340302
6	Quản trị kinh doanh	7340101
7	Marketing	7340115
8	Bất động sản	7340116
9	Kinh doanh quốc tế	7340120
10	Kinh doanh thương mại	7340121
11	Thương mại điện tử	7340122
12	Kinh doanh thời trang và dệt may	7340123
13	Khoa học quản lý	7340401
14	Quản lý công	7340403
15	Quản trị nhân lực	7340404
16	Hệ thống thông tin quản lý	7340405
17	Quản trị văn phòng	7340406
18	Quan hệ lao động	7340408
19	Quản lý dự án	7340409

13	Quản trị văn phòng	7340106
14	Quản lý dự án	7340109
15	Tiếng Việt và văn hóa Việt Nam	7220101
16	Văn hóa các dân tộc thiểu số	7220112
17	Ngôn ngữ Anh	7220201
18	Ngôn ngữ Nga	7220202
19	Ngôn ngữ Pháp	7220203
20	Ngôn ngữ Trung Quốc	7220204
21	Ngôn ngữ Đức	7220205
22	Ngôn ngữ Nhật	7220209
23	Ngôn ngữ Hàn Quốc	7220210
24	Lịch sử	7229010
25	Văn hóa học	7229040
26	Quản lý văn hóa	7229042
27	Di sản học	7229047
28	Địa lý	7310501
29	Đông phương học	7310608
30	Việt nam học	7310630

20	Kinh tế đầu tư	7310101
21	Kinh tế phát triển	7310405
22	Kinh tế quốc tế	7310106
23	Thống kê kinh tế	7310107
24	Toán kinh tế	7310108
25	Kinh tế số	7310109
XIII. Ngành Ngôn ngữ Anh		
TT	Tên ngành	Mã ngành
1	Ngôn ngữ Anh	7120201
2	Sư phạm tiếng Anh	7140231
XIV. Ngành Ngôn ngữ Trung Quốc		
TT	Tên ngành	Mã ngành
1	Ngôn ngữ Trung Quốc	7220204
2	Sư phạm tiếng Trung Quốc	7140234

Ghi chú: Thí sinh tốt nghiệp ngành trình độ đại học không có trong danh mục ngành phù hợp trên có thể gửi file PDF ảnh căn cước công dân, bằng tốt nghiệp và bảng điểm về địa chỉ email tuyensinh@hau.edu.vn để xem xét điều kiện dự tuyển.